

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

Số: 102/2016/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật
và chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

UBND THÀNH PHỐ PR-TC

ĐẾN Số:..... 102/2016
Ngày: 5/1/2017
Chuyển:..... A. Quim - CB
Lưu hồ sơ số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm

Căn cứ Luật công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của

Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng
thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1891/TTr-STP
ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí
chứng thực trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận áp dụng đối với việc thu thù lao công
chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực do các tổ chức hành nghề công
chứng, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã,
phường, thị trấn thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức hành nghề công chứng.
2. Phòng Tư pháp các huyện, thành phố (sau đây gọi là Phòng Tư pháp).
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân
dân cấp xã).
4. Cộng tác viên dịch thuật của tổ chức hành nghề công chứng và của
Phòng Tư pháp.
5. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, giao
dịch; đánh máy, in, sao chụp; dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan
đến việc công chứng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả khi được cung cấp dịch vụ soạn thảo hợp đồng, giao dịch, đánh máy, in, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng.

2. Tổ chức hành nghề công chứng chỉ được thu thù lao soạn thảo hợp đồng, giao dịch đối với trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị công chứng viên soạn thảo.

Đối với hợp đồng vay tiền, thế chấp, cầm cố tài sản do tổ chức tín dụng soạn thảo sẵn và hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu công chứng soạn thảo sẵn thì tổ chức hành nghề công chứng không được thu thù lao soạn thảo.

Điều 4. Mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực

1. Mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật, chi phí chứng thực là mức thu tối đa và đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã không được thu cao hơn mức trần quy định tại Quyết định này (Phụ lục kèm theo).

2. Mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực không bao gồm phí công chứng, phí chứng thực, lệ phí chứng thực và chi phí khác trong hoạt động công chứng. Các khoản phí công chứng, phí chứng thực, lệ phí chứng thực và chi phí khác trong hoạt động công chứng được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật được xác định căn cứ trên tính chất đơn giản hoặc phức tạp của từng nhóm việc:

a) Hợp đồng, giao dịch xác định phức tạp khi có một trong các yếu tố:

- Có từ 3 bên tham gia trở lên.
- Giao dịch đối với nhiều tài sản (từ 03 tài sản trở lên).
- Tài sản là bất động sản ở nhiều nơi.
- Hợp đồng, giao dịch ít phổ biến như hợp đồng về kinh doanh thương mại, hợp đồng, giao dịch có yếu tố nước ngoài.
- Hợp đồng, giao dịch chưa được mẫu hóa, không có trên phần mềm.
- Hợp đồng, giao dịch phát sinh thừa kế thế vị hoặc phát sinh thêm việc thừa kế.
- Hợp đồng, giao dịch có người làm chứng, người phiên dịch.
- Hợp đồng, giao dịch khác được công chứng viên và người yêu cầu công chứng đồng ý là phức tạp.

b) Việc dịch thuật được xác định phức tạp khi có một trong các yếu tố: giấy tờ, văn bản cần dịch đối với thứ tiếng không thông dụng; đối với các loại giấy tờ, văn bản chưa được mẫu hóa; các loại giấy tờ, văn bản ít lưu hành, mang tính chuyên ngành, kỹ thuật.

Mức trần thù lao dịch thuật bao gồm tiền dịch, tiền đánh máy, in ấn và photocopy bản dịch. Đơn vị tính thù lao là số trang, bản tài liệu, văn bản cần dịch (tính theo trang A4).

c) Trường hợp không có những yếu tố trên thì xác định là đơn giản.

Điều 5. Quản lý, sử dụng mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực

1. Đối với Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã: Khoản thu từ thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị thu nộp toàn bộ số tiền thu được vào ngân sách nhà nước các cấp. Khi có nhu cầu về kinh phí, căn cứ các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành lập dự toán đề nghị ngân sách cấp bổ sung để thực hiện.

2. Đối với Phòng Công chứng số 1: Khoản thu từ thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực được chi các khoản sau:

a) Nộp thuế theo quy định.

b) Chi phí trực tiếp cho hoạt động dịch vụ như: tiền công của người phiên dịch, nhân viên hợp đồng, văn phòng phẩm, chi phí niêm yết, xác minh hồ sơ, nước uống phục vụ khách hàng, tiền điện, điện thoại, sửa chữa máy móc...

c) Số tiền còn lại sử dụng như sau:

- Trích 40% thực hiện cải cách tiền lương.

- Trích lập các quỹ theo quy định như: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quy định.

3. Đối với Văn phòng công chứng: Khoản thu từ thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Tiền thu được là doanh thu của đơn vị thu. Đơn vị thu thù lao, chi phí quản lý và sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức thu phải thực hiện chế độ hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Căn cứ mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực quy định tại Điều 4 Quyết định này, tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác định mức thu cụ thể đối với

từng loại việc áp dụng tại đơn vị mình nhưng không vượt quá mức trần; đồng thời thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp.

b) Niêm yết đầy đủ, công khai mức trần thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực đã được xác định tại trụ sở của cơ quan, tổ chức và có trách nhiệm giải thích rõ cho người yêu cầu công chứng, chứng thực.

2. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh:

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc thu, quản lý, sử dụng các khoản thù lao công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực cho cơ quan, tổ chức thu theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp, Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

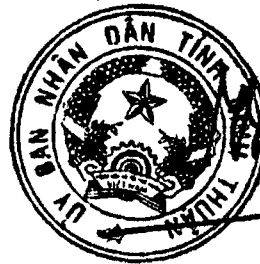
Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 01 năm 2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức hành nghề công chứng và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTrVB; Cục BTTP);
- Cục Công tác phía Nam (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TT.TH-CB;
- Lưu: VT, NC. ĐDM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
PHAN RANG - THÁP CHÀM

Số: 562/SY

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Các Phó Chủ tịch, các Trưởng Ban HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các phòng, ban thành phố;
- UBND 16 phường, xã;
- Lưu: VT.

SAO Y

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 10 tháng 01 năm 2017

TL. CHỦ TỊCH

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHỤ CHÁNH VĂN PHÒNG



Hồ Như Vương



PHỤ LỤC

Mức trần thu phí công chứng, thù lao dịch thuật và chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 102/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

SỐ TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	MỨC THU TỐI ĐA	
1	MỨC TRẦN THÙ LAO CÔNG CHỨNG		
1	Soạn thảo, đánh máy hợp đồng, giao dịch (đã bao gồm tiền công đánh máy và in ấn)	Đơn giản	Phức tạp
		<i>(đồng/trường hợp)</i>	
1.1	Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng, tặng cho, đặt cọc	100.000	300.000
1.2	Văn bản khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản	100.000	200.000
1.3	Văn bản thỏa thuận chế độ tài sản của vợ chồng; văn bản từ chối nhận di sản; di chúc	80.000	200.000
1.4	Hợp đồng ủy quyền, thuê, mượn tài sản; hợp đồng vay tiền, thế chấp, cầm cố tài sản	80.000	200.000
1.5	Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt, thanh lý hợp đồng; Giấy ủy quyền; văn bản từ chối nhận di sản	50.000	100.000
1.6	Hợp đồng, giao dịch khác	100.000	300.000
2	Đánh máy, sao chụp giấy tờ, văn bản (Đối với trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị)	<i>(đồng/trang)</i>	
2.1	Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản (trang A4)	500	
2.2	Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản (trang A3)	1.000	
2.3	Đánh máy giấy tờ, văn bản (bao gồm cả việc in, khổ giấy trang A4)	5.000	
2.4	Đánh máy giấy tờ, văn bản (bao gồm cả việc in, khổ giấy trang A3)	7.000	
3	Việc khác liên quan đến công chứng	<i>(đồng/trường hợp/lần)</i>	
3.1	Công bố di chúc	150.000	
3.2	Niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản khi tổ chức hành nghề công chứng cử người trực tiếp thực hiện việc niêm yết, trong phạm vi cách trụ sở hành nghề công chứng:		

3.2.1	Dưới 15 km	50.000	
3.2.2	Từ 15 km đến dưới 30 km	100.000	
3.2.3	Từ 30 km đến dưới 50 km	150.000	
3.2.4	Từ 50 km trở lên	200.000	
3.2.5	<p>Niên yết ngoài tỉnh:</p> <p>Tổ chức hành nghề công chứng và người yêu cầu công chứng tự thỏa thuận trên cơ sở chi phí phát sinh nhưng không vượt quá chế độ công tác phí theo quy định của Quyết định số 2255/2010/QĐ-UBND ngày 22/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Khi Quyết định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo Quyết định mới.</p>		
3.3	Cung cấp biểu mẫu hợp đồng, giao dịch	đồng/mẫu	
	Cung cấp biểu mẫu hợp đồng, giao dịch	5.000	
II	MỨC TRẦN THỦ LAO DỊCH THUẬT		
1	Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Đơn giản	Phức tạp
		<i>(đồng/trang)</i>	
1.1	Tiếng Anh	80.000	100.000
1.2	Tiếng Pháp, Nga, Hoa	100.000	120.000
1.3	Tiếng Hàn, Nhật, Đức	120.000	140.000
1.4	Tiếng các nước khác	140.000	160.000
2	Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	Đơn giản	Phức tạp
		<i>(đồng/trang)</i>	
2.1	Tiếng Anh	70.000	90.000
2.2	Tiếng Pháp, Nga, Hoa	90.000	110.000
2.3	Tiếng Hàn, Nhật, Đức	110.000	130.000
2.4	Tiếng các nước khác	130.000	150.000
III	MỨC TRẦN CHI PHÍ CHỨNG THỰC		
		<i>(đồng/trang)</i>	
1	Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản (trang A4)	500	

2	Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản (trang A3)	1.000
3	Đánh máy giấy tờ, văn bản (bao gồm cả việc in, khổ giấy A4)	5.000
4	Đánh máy giấy tờ, văn bản (bao gồm cả việc in, khổ giấy A3)	7.000

Ghi chú:

1. Đối với trường hợp dịch chưa tới $\frac{1}{2}$ trang, mức thu được tính bằng 50% mức thu; hơn $\frac{1}{2}$ trang nhưng chưa đủ 01 trang, mức thu được tính bằng 01 trang; nhiều trang thì mức thù lao dịch thuật từ trang thứ mười (10) trở đi được xác định mỗi trang không quá bảy mươi phần trăm (70%) mức thu đối với trường hợp đơn giản, tám mươi phần trăm (80%) mức thu đối với trường hợp phức tạp.

2. Đối với giấy tờ, văn bản cần dịch có nhiều trang mà các trang có những nội dung tương tự nhau (như hộ khẩu, học bạ...) thì mức thù lao dịch thuật đối với trang thứ hai (02) trở đi được xác định không quá sáu mươi phần trăm (60%) mức thu đối với trang đầu tiên.

3. Đối với giấy tờ văn bản có mẫu sẵn, từ ngữ văn bản có tính thông dụng như giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận kết hôn, giấy phép lái xe, lý lịch tư pháp, giấy khai sinh, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy chứng tử, bằng tốt nghiệp và các loại văn bản có hình thức tương tự thì mức thù lao dịch thuật được xác định không quá bảy mươi phần trăm (70%) mức thu đối với trường hợp đơn giản.

4. Trường hợp người yêu cầu dịch thuật xuất trình bản tự dịch thì mức thù lao hiệu đính bản dịch sẽ được tính 50% mức thù lao dịch thuật cho loại giấy tờ tương ứng.